

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/DS-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Sơn.

2. Ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2024/TLST-DS ngày 08/5/2024, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-DS ngày 09/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-DS ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Ở: thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông Trịnh Văn H1 có vay của vợ chồng ông số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 28/12/2023. Khi vay chỉ có một mình ông H1 vay, ông H1 ký tên người vay. Theo ông H1 trình bày là vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 2 tháng. Tuy “Giấy mượn tiền” ngày 28/12/2023 chỉ đề tên người cho vay là ông Phan Văn H nhưng ông, bà xác nhận số tiền cho ông H1 vay là số tiền chung của vợ chồng, bà T cũng biết việc cho vay tiền này.

Đã quá thời hạn cho vay, vợ chồng ông bà nhiều lần đòi tiền nhưng ông H1 trốn tránh, không chịu trả tiền cho ông, bà. Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông, bà yêu cầu vợ chồng ông H1 phải trả số tiền vay là 50.000.000đồng và lãi suất 1,66% theo hợp đồng tính từ ngày 28/12/2023 đến ngày 18/3/2024 là hơn hai tháng với số lãi suất 50.000.000đồng x 1,66% x 75 ngày = 2.075.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 52.075.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại Tòa, ông H1 có trình bày là do hoàn cảnh khó khăn, chưa trả được tiền nên ông, bà tự nguyện giảm số tiền yêu cầu so với đơn khởi kiện trước đây và chỉ khởi kiện một mình ông H1 phải có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng ông. Nay ông, bà yêu cầu ông Trịnh Văn H1 phải trả cho ông, bà số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Trịnh Văn H1 trình bày: Trước đây ông có quen biết với ông Lê Ngọc D, ông biết được là ông H thường cho vay tiền để đảo hạn Ngân hàng nên qua trung gian ông D, ông D mượn tiền của ông H và cho ông vay lại, lần thứ nhất là 100 triệu đồng, lần thứ hai là 230 triệu đồng, tổng cộng 02 lần tiền gốc là 330 triệu đồng. Đến khi các bên ngồi lại để tất toán số tiền nợ (bao gồm cả gốc và lãi) thì ông còn nợ lại số tiền 50 triệu đồng. Do đó ông có viết cho ông H “Giấy mượn tiền” đề ngày 28/12/2023 xác nhận có nợ số tiền 50.000.000 đồng. Chữ viết và chữ ký trên “Giấy mượn tiền” này là do chính tay ông tự viết và ký tên. Theo yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T ông không đồng ý, lý do là theo ông số tiền ông H, bà T yêu cầu ông phải trả là “tiền lãi nóng chứ không phải tiền gốc”. Ông chỉ chấp nhận trả số tiền 20.000.000đồng.

Bị đơn ông Trịnh Văn H1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không thể tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn trú tại xã H, huyện H, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Trịnh Văn H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 28/12/2023, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập “Giấy mượn tiền” do chính ông Trịnh Văn H1 là người viết, có chữ ký tên và ghi họ tên của người vay tiền là Trịnh Văn H1. Nội dung Giấy mượn tiền thể hiện, bị đơn xác nhận có vay (mượn) nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng, không thỏa thuận lãi, thời gian trả là 2 tháng. Đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi, hợp đồng vay tiền giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Việc ông H1 khai nại ra rằng việc ông H1 viết giấy là do ông D và ông H “buộc” ông phải viết, đây là số tiền “lãi nóng”. Tuy nhiên, ông H1 không có bất cứ tài liệu gì chứng minh cho lời khai nại của mình. Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý trả 50.000.000đồng theo “Giấy mượn tiền” mà chỉ đồng ý trả 20.000.000đồng nhưng ông không lý giải lý do, không chỉ rõ ông tính toán như thế nào để ra số tiền 20.000.000đồng thay vì theo số tiền nguyên đơn yêu cầu. Do vậy, những lời khai nại của ông H1 là không có căn cứ pháp luật để xem xét.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 28/12/2023 đã được ông H1 xác nhận về số tiền nợ và thời gian trả nợ. Ông H1 đã không thực hiện đúng cam kết đã ký là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận. Xét việc nguyên đơn tự nguyện thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi cho bị đơn, hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về mục đích số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn khai chỉ có một mình ông H1 vay, ông H1 nói mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, không liên quan gì đến vợ ông H1, cũng không dùng để chi trả vào nhu cầu thiết yếu của gia đình ông H1. Hơn nữa Giấy mượn tiền đề ngày 28/12/2023 cũng chỉ do một mình

ông H1 ký tên và ghi họ tên. Tại Bản tự khai của bà Lê Thị P (vợ ông H1), bà P cũng xác nhận không biết, không liên quan gì đến số nợ này, đề nghị Tòa án không đưa bà vô tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, ông H, bà T chỉ yêu cầu một mình ông H1 phải trả nợ. Nhận thấy, yêu cầu của ông H, bà T chỉ yêu cầu ông H1 phải trả nợ cho ông, bà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết, ông H1 có khai ông D là người trung gian trong việc vay tiền của ông và ông H nên Tòa án có triệu tập ông D đến để làm việc. Tại bản tự khai, ông Lê Văn D1 khẳng định việc xác lập Giấy mượn tiền đề ngày 28/12/2023 ông D1 không tham gia, không biết về nội dung thỏa thuận của các bên. Giấy mượn tiền đề ngày 28/12/2023 cũng không đề cập gì đến ông D1. Cả nguyên đơn và bị đơn không ai có yêu cầu gì đối với ông D1. Do đó, Tòa không đưa ông Lê Văn D1 vô tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H, bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn ông Trịnh Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trịnh Văn H1 phải trả cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông **Phan Văn H** và bà **Nguyễn Thị T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông **H**, bà **T** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.302.000đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013317 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ông **Trịnh Văn H1** phải chịu 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- **Chi cục THADS huyện H;**
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Minh Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Thị Thanh H2

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện HTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền